

Bản án số: 1141/2026/DS-PT

Ngày: 26 - 8 - 2026

V/v “*Tranh chấp đòi bồi thường
thiệt hại ngoài hợp đồng do tài
sản bị xâm phạm*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

Ông Phạm Lâm Đồng.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thảo Ngân Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** bà Lưu Thị Kim Chúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26/8/2026 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 1412/2026/TLPT-DS ngày 22/7/2026 về việc: “*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm phạm*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 387/2026/DS-ST ngày 29/5/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ có kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1496/2026/QĐ-PT ngày 24/7/2026, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị Kim L**, sinh năm 1956. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L (Giấy ủy quyền ngày 17/8/2026):
Bà Bùi Như Ý, sinh năm 1999; địa chỉ: B, khu vực T, phường C, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- **Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1967. (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:** Ông **Vũ Ngọc Q**, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp T, xã T, thành phố Cần Thơ. (có mặt)

- Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L trình bày: Vào ngày 09/6/2023 bà có cho bà Nguyễn Thị Đ thuê thửa đất 930 và 931 tổng diện tích 25.300m² đất ruộng không cho thuê đất bờ, giá thuê 200.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm. Bà Đ đã giao tiền đủ thuê.

Đến tháng 09/2024 bà phát hiện bà Đ lấy phần đất bờ kênh xáng cạp 324m³ (chiều ngang 9 mét và dài 36 mét, cao 1 mét) có ông Q chở đi mà không xin ý kiến của bà.

Nay, bà khởi kiện yêu cầu bà Đ trả giá trị tài sản là phần đất bị mang đi là 324m³ x 100.000 đồng/1 m³ = 32.400.000 đồng. Phần xáng cạp kênh bà đã thuê nhân công bồi đắp nhiều năm nên phần bờ có chiều cao khoảng 1,5 mét giờ chỉ còn 0,5 mét.

Ngày 25/12/2025 bà có đơn yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Đ bồi thường số tiền 70.000.000 đồng là:

$$700\text{m}^3 \times 100.000 \text{ đồng}/1\text{m}^3 = 70.000.000 \text{ đồng}.$$

Bị đơn bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Vào năm 2023 bà có thỏa thuận thuê đất của bà L hai bên có lập văn bản là Hợp đồng thuê ruộng đất vào ngày 09/6/2023, nội dung thỏa thuận là bà L cho bà thuê hai thửa đất 930 và 931 (do bà L đứng tên quyền sử dụng đất) với diện tích 18 công tầm lớn, giá thuê là 200.000.000 đồng bà trả tiền đủ. Thời hạn thuê 03 năm.

Đến năm 2024 chính quyền xã tiến hành nạo vét kênh Ba Lâm phần đất nạo vét kênh sẽ được đắp lên phần đất bờ bà thuê của bà L, do phần đất cao bà không có chỗ để lúa thu hoạch thời điểm này có nhiều chủ đất lân cận cũng thuê ông Q sang lấp nên bà cũng làm theo, bà đã thuê ông Q lấy đất này để lấp lung ruộng cũng trong thửa đất 930 và 931 của đất bà L phần dư thì bà cho ông Q 04 chệt đất (tương đương 40m³ khối đất) do bà L đi nước ngoài nên bà không có báo cho bà L biết.

Nay, bà đồng ý trả cho bà L tiền 40m³ là 4.000.000 đồng.

Người có quyền và nghĩa vụ liên quan ông Vũ Ngọc Q trình bày: Vụ Đông Xuân năm 2024 ông có nhận sang lấp bờ khu vực kênh B do nạo vét kênh nên các hộ dân canh tác ruộng khu vực này có nhu cầu sang lấp, bà Đ cũng bị ảnh hưởng từ đất nạo vét nên bà Đ thuê ông san lấp và bà Đ đã cho ông phần đất dư sau khi ông san lấp phần đất ruộng (sau này ông mới biết bà Đ thuê đất của bà L) số đất ông lấp lung tương đương 160m³, phần đất dư bà Đ cho ông tương đương 40m³ (4 chệt). Ông yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ông.

Do hòa giải không thành nên vụ kiện được đưa ra xét xử. Tại bản án số 387/DSST ngày 29/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 3 – Cần Thơ đã tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền giá trị đất bờ là 4.000.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tiền lãi giai đoạn thi hành án, tiền án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Không đồng ý với bản án của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ tuyên xử nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L đã kháng cáo bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Bùi Như Ý đại diện ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Kim L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng buộc bà Nguyễn Thị Đ bồi thường số tiền 70.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Đ trình bày: Phần đất bờ kênh bà thuê ông Q mang vào để lấp thửa 930 và thửa 931 của bà Nguyễn Thị Kim L. Bà làm việc này vì bà nghĩ bà L sẽ đồng ý và tiếp tục cho bà thuê đất tiếp tục. Do bà L đi nước ngoài nên bà không xin ý kiến bà L được. Riêng 04 ghe đất bà tặng cho ông Q bà đồng ý bồi thường cho bà L số tiền này như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Quá trình thụ lý và giải quyết, thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Phía nguyên đơn khởi kiện không chứng minh được bà Đ mang đất đi nơi khác mà chính bà Đ đã mang đất vào để lấp những phần đất trống trên đất của nguyên đơn. Việc này làm tăng giá trị đất của nguyên đơn chứ không gây thiệt hại. Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng dân sự: Xét mối quan hệ pháp luật thì đây là vụ kiện: “*Tranh chấp đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại.*”. Vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ

luật Tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Kháng cáo của nguyên đơn là trong hạn luật định nên được xem xét.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy: Do nguyên đơn cho bị đơn thuê 02 thửa đất tổng diện tích 25.300m^2 đất ruộng, không cho thuê đất bờ, giá thuê 200.000.000 đồng trong thời hạn 03 năm. Bị đơn đã giao tiền đủ cho nguyên đơn. Quá trình thuê đến tháng 09/2024 nguyên đơn phát hiện bị đơn lấy mất phần đất bờ kênh xáng cấp diện tích là $700\text{m}^3 \times 100.000 \text{ đồng}/1\text{m}^3 = 70.000.000$ đồng. Vì vậy, nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường số tiền 70.000.000 đồng. Bị đơn cho rằng bị đơn thuê mướn ông Q lấy đất này để lấp vào phần đất tại hai thửa đất của nguyên đơn. Lý do chở đất đi nơi khác là do phần đất mé kênh cao bà không có chỗ để lùa thu hoạch thời điểm đó. Vì vậy, bị đơn thuê ông Q sang lấp để lấp lung ruộng cũng trong thửa đất 930 và 931 phần dư thì bà cho ông Q 04 chệt đất (tương đương 40m^3 đất) do bà L đi nước ngoài nên bà không có báo cho bà L biết. Bị đơn đồng ý trả cho bà L tiền 40m^3 là 4.000.000 đồng. Ông Q thừa nhận có nhận 04 ghe đất do bà Đ cho tương đương 40m^3 (4 chệt). Ông không biết bà L cho bà Đ thuê đất.

Qua xem xét Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét về tài sản: Phần đất này là công trình của Nhà nước không phải là tài sản riêng của nguyên đơn. Cụ thể vào năm 2024 chính quyền địa phương tiến hành nạo vét kênh B hay còn gọi là kênh Lung Trâu để lấy đất gia cố đê bao phục vụ sản xuất. Nguyên đơn cho rằng bị đơn lấy đi 324m^3 sau đó khởi kiện bổ sung cho rằng 700m^3 nhưng nguyên đơn không có chứng cứ chứng minh cụ thể diện tích đất mà bị đơn mang đi là của nguyên đơn. Phần đất cao do nguyên đơn bồi đắp thì nguyên đơn cũng không có chứng minh mình tự bỏ tiền ra để tôn lên cao như lời trình bày của nguyên đơn. Ngược lại, phần đất bị đơn mang đi được đem vào đất lung trũng của nguyên đơn để lấp những chỗ còn thấp cho ngang bằng mặt ruộng. Vì vậy, bị đơn không mang đi bán phần đất này mà bị đơn đem vào phần đất của nguyên đơn. Do đó, không có việc gây thiệt hại tài sản cho nguyên đơn mà trái lại còn làm tăng giá trị đất cho nguyên đơn.

Xét việc làm của bị đơn thuê người chở đất đến lấp chỗ đất trũng thấp của nguyên đơn chưa gây thiệt hại ảnh hưởng đến tài sản của nguyên đơn. Vì vậy, bản án sơ thẩm bác yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Đối với yêu cầu của bị đơn: Do bị đơn tặng cho ông Q 04 ghe đất tương đương khối lượng là 40m^3 bị đơn đồng ý bồi thường cho nguyên đơn là phù hợp. Vì nếu buộc ông Q trả lại 04 ghe đất trên thì không khả thi nên bị đơn đồng ý trả giá trị là có căn cứ. Bản án sơ thẩm tuyên là phù hợp nên giữ nguyên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L: Bà L kháng cáo nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không chấp nhận.

[4] Về chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng. Mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ do bà L đã chi xong nên bà Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà 1.500.000 đồng.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được miễn nộp do là người cao tuổi. Bà Đ phải chịu 300.000 đồng.

[6] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L được miễn nộp do là người cao tuổi.

[7] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 91, Điều 92, Khoản 1, Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 584, Điều 585, và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015,

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Kim L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim L.

Buộc bà Nguyễn Thị Đ phải có nghĩa vụ bồi thường cho bà Nguyễn Thị Kim L số tiền giá trị đất bờ là: 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện còn lại của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L về việc đòi bà Nguyễn Thị Đ bồi thường số tiền 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng) trong tổng số tiền 70.000.000 đồng. Giá trị bờ đất theo yêu cầu khởi kiện bổ sung.

Về chi phí tố tụng: 3.000.000 đồng. Mỗi người chịu $\frac{1}{2}$ do bà L đã chi xong nên bà Đ có nghĩa vụ trả lại cho bà 1.500.000 đồng.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà L được miễn nộp do là người cao tuổi. Bà Đ phải chịu 300.000 đồng.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà L được miễn nộp do là người cao tuổi.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành ngay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Cần Thơ;
- TAND Khu vực 3 – Cần Thơ;
- Phòng THADS Khu vực 3 - Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Văn Hải